

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên
Ông Triệu Hồng Tuyển	Ủy viên
Ông Phan Tiến Sơn	Ủy viên
Bà Lương Thị Nhung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Nhất	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2011)
Ông Triệu Hồng Tuyển	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2011)
Ông Phan Tiến Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thái	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Văn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Nguyên	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc. 



Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Số: *MBT* /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 27. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 02 năm 2011 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty là 36.337.386.290 đồng và công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 41.366.881.320 đồng, Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến sự kiện không chắc chắn nêu trên.



Dặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1570/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		177.306.380.338	227.753.827.507
I. Tiền	110	5	1.972.676.817	4.817.115.876
1. Tiền	111		1.972.676.817	4.817.115.876
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.369.102.897	72.489.469.078
1. Phải thu khách hàng	131		29.483.299.413	47.402.189.800
2. Trả trước cho người bán	132		11.716.350.658	12.215.069.252
3. Các khoản phải thu khác	135	6	-	12.922.661.923
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.830.547.174)	(50.451.897)
III. Hàng tồn kho	140	7	128.863.035.651	141.795.260.587
1. Hàng tồn kho	141		128.863.035.651	141.795.260.587
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.101.564.973	8.651.981.966
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.735.023.860	5.147.241.915
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.366.541.113	3.504.740.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		56.477.992.572	50.218.561.505
I. Tài sản cố định	220		48.316.634.394	42.075.650.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	48.316.634.394	30.410.929.848
- Nguyên giá	222		74.224.978.696	55.506.108.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.908.344.302)	(25.095.178.219)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	11.664.720.190
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.273.694.307	7.151.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	8.200.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	6.750.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	576.500.000	576.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.502.805.693)	(175.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		887.663.871	991.411.467
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		658.196.871	991.411.467
2. Tài sản dài hạn khác	268		229.467.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		233.784.372.910	277.972.389.012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINA CONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		225.931.510.252	230.490.416.940
I. Nợ ngắn hạn	310		218.673.261.658	224.254.449.505
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	64.576.853.264	70.415.554.091
2. Phải trả người bán	312		59.044.969.537	69.324.817.068
3. Người mua trả tiền trước	313		71.225.130.336	61.150.034.366
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	638.075.362	662.573.182
5. Phải trả người lao động	315		2.510.486.856	1.655.360.911
6. Chi phí phải trả	316		14.977.824.728	10.439.824.765
7. Phải trả nội bộ	317		43.750.000	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	4.824.608.616	9.854.970.567
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		831.562.959	751.314.555
II. Nợ dài hạn	330		7.258.248.594	6.235.967.435
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.745.470.444	6.026.590.556
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		512.778.150	209.376.879
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		7.852.862.658	47.481.972.072
I. Vốn chủ sở hữu	410		7.852.862.658	47.481.972.072
1. Vốn điều lệ	411	16	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	1.405.920.000	1.405.920.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	6.474.720
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	2.267.387.398	2.172.666.949
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	516.941.550	507.469.505
6. (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	(36.337.386.290)	3.389.440.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		233.784.372.910	277.972.389.012

Trần Đức Nhật
Giám đốc

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINA CONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	109.670.874.974	153.356.760.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		109.670.874.974	153.356.760.370
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	121.771.198.645	151.710.654.119
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(12.100.323.671)	1.646.106.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	105.631.713	10.866.703.845
7. Chi phí tài chính	22	20	16.484.252.607	6.645.432.345
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.764.385.627	5.581.741.752
8. Chi phí bán hàng	24		-	419.616.438
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.877.123.199	8.466.739.886
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(38.356.067.764)	(3.018.978.573)
11. Thu nhập khác	31		2.943.713.977	7.554.820.156
12. Chi phí khác	32		925.032.503	16.587.053
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.018.681.474	7.538.233.103
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(36.337.386.290)	4.519.254.530
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	1.129.813.632
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(36.337.386.290)	3.389.440.898
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(9.084)	1.091

Trần Đức Nhất
Giám đốc

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINA CONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(36.337.386.290)	4.519.254.530
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.455.460.749	3.198.422.990
- Các khoản dự phòng	03	3.107.900.970	132.435.042
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	6.474.720
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.045.434.344)	(17.890.903.621)
- Chi phí lãi vay	06	14.764.385.627	5.581.741.752
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.055.073.288)	(4.452.574.587)
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	24.311.334.100	(8.648.289.157)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	12.932.224.936	(55.086.387.011)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.633.281.518)	25.957.798.985
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	333.214.596	(280.136.310)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.223.185.688)	(5.581.741.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(204.110.026)	(790.742.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8.707.863.231
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(3.927.557.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	461.123.112	(44.101.766.485)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.106.958.448)	(29.401.317.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.854.090.906	819.090.909
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.631.713	10.578.203.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.147.235.829)	(17.904.022.371)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.329.703.940	144.510.094.615
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.470.583.082)	(103.162.018.544)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.017.447.200)	(1.234.551.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.841.673.658	60.113.525.071
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.844.439.059)	(1.892.263.785)
Tiền tồn đầu năm	60	4.817.115.876	6.709.379.661
Tiền tồn cuối năm	70	1.972.676.817	4.817.115.876

Trần Đức Nhật
Giám đốcNguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex tiền thân là Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1499/QĐ-BXD ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000175 ngày 14/11/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex theo Quyết định số 1994/QĐ/BXD ngày 14/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008056 ngày 02/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Từ ngày 14 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã chuyển nhượng hết số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 147 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 145 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình xử lý chất thải và môi trường, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến thế đến 110 KV;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh và phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng;
- Khai thác sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng, bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, và các loại vật liệu khác;
- Tổ chức kinh doanh các hoạt động dịch vụ sửa chữa, cải tạo, duy tu bảo dưỡng công trình, dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí, ăn uống và các dịch vụ khác;
- Thực hiện các dịch vụ sửa chữa, bảo hành các thiết bị xe máy;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây truyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ kho vận;
- Xuất nhập khẩu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty là 36.337.386.290 đồng và công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 41.366.881.320 đồng, Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình, Công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc vốn thông qua thanh lý một số tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần). Để có thể cắt giảm chi phí hoạt động, Ban Giám đốc Công ty có kế hoạch tái cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 22.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả nội bộ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Số dư tiền phản ánh giá trị tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đối với các chủ đầu tư là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty") và một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty có thời hạn trên hai năm kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn hoặc thời điểm thanh toán lần cuối. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, các khoản phải thu này sẽ được thu hồi sau khi các chủ đầu tư thực hiện xong thủ tục thanh quyết toán, nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định, do đó, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	2011 (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6-25
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải	6-10
Khác	5-10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư dài hạn khác.

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm bao gồm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc hoàn thành được chủ đầu tư và nhà thầu phê duyệt quyết toán khối lượng và Công ty phát hành hóa đơn hạch toán doanh thu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc nợ thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	150.599.424	5.325.942
Tiền gửi ngân hàng	1.822.077.393	4.811.789.934
	<u>1.972.676.817</u>	<u>4.817.115.876</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	12.875.000.000
Phải thu khác	-	47.661.923
	<u>-</u>	<u>12.922.661.923</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.293.782.833	2.557.983.810
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	127.127.834.558	139.237.276.777
Thành phẩm	441.418.260	-
Cộng	<u>128.863.035.651</u>	<u>141.795.260.587</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>128.863.035.651</u>	<u>141.795.260.587</u>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang phản ánh chi phí thi công các công trình/dự án chưa được bàn giao cho các chủ đầu tư, trong đó, một số công trình/dự án có số dư lớn như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình Đường Láng	47.915.400.211	63.335.806.703
Công trình Cầu Giẽ - Ninh Bình	18.046.905.438	37.851.018.333
Công trình Quốc lộ 21-1	20.985.922.020	6.802.707.313
Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	5.068.522.959	1.025.957.223
Đường Hà Nội- Lào Cai	8.758.930.982	154.877.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	10.267.819.028	39.685.219.239	5.441.789.710	111.280.090	55.506.108.067
Tăng do mua sắm	-	620.000.000	-	13.000.000	633.000.000
Tăng do XDCB hoàn thành	1.058.000.105	21.584.453.465	-	-	22.642.453.570
Thanh lý, nhượng bán	-	2.351.289.027	2.182.108.914	23.185.000	4.556.582.941
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.325.819.133</u>	<u>59.538.383.677</u>	<u>3.259.680.796</u>	<u>101.095.090</u>	<u>74.224.978.696</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	2.088.961.338	19.533.192.632	3.410.134.229	62.890.020	25.095.178.219
Khấu hao trong năm	462.043.894	3.509.118.584	474.911.788	9.386.483	4.455.460.749
Thanh lý, nhượng bán	-	1.448.013.628	2.182.108.914	12.172.124	3.642.294.666
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.551.005.232</u>	<u>21.594.297.588</u>	<u>1.702.937.103</u>	<u>60.104.379</u>	<u>25.908.344.302</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>8.774.813.901</u>	<u>37.944.086.089</u>	<u>1.556.743.693</u>	<u>40.990.711</u>	<u>48.316.634.394</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>8.178.857.690</u>	<u>20.152.026.607</u>	<u>2.031.655.481</u>	<u>48.390.070</u>	<u>30.410.929.848</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.321.430.793 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 16.974.592.037 đồng).

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 25.012.481.961 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.922.313.175 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công trình "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/h" - Mỏ đá Gò Chối	-	10.628.874.630
Sửa chữa Văn phòng 7	-	1.035.845.560
	<u>-</u>	<u>11.664.720.190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINA CONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Vốn góp tại ngày 31/12/2011	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	Hà Nội	54,7%	54,7%	8.200.000.000	Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng

Ngày 19 tháng 11 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 04CT34/2010/QĐ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34 ("VINA 34") bằng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị được đánh giá lại là 13,5 tỷ đồng. Ngày 24 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án chuyển nhượng cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Vinaconex E&C) 675.000 cổ phiếu VINA 34. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty sở hữu 675.000 cổ phiếu VINA 34 (giá gốc 6.750.000.000 đồng) tương đương 49,8% vốn điều lệ của VINA 34, do đó giá trị đầu tư vào VINA 34 được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết".

Trong tháng 4 năm 2011, Công ty đã mua thêm 145.000 cổ phần VINA 34 với tổng giá trị đầu tư là 1.450.000.000 đồng, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần VINA 34 lên 54,7%. Do đó, từ tháng 4 năm 2011, VINA 34 trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011		31/12/2010	
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	52.070	401.500.000	40.150	401.500.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	17.500	175.000.000	17.500	175.000.000
		576.500.000		576.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		428.278.000		175.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm		253.278.000		-
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình		175.000.000		175.000.000

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	28.938.846.171	39.867.644.037
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	13.979.313.890	14.687.910.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.021.058.203	12.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Vay các đối tượng cá nhân khác	326.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	3.311.635.000	3.860.000.000
	64.576.853.264	70.415.554.091

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (xem Thuyết minh số 8).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.583.686	610.693.712
Thuế thu nhập cá nhân	178.804.426	51.879.470
Thuế tài nguyên	31.612.350	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.074.900	-
	<u>638.075.362</u>	<u>662.573.182</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex góp vốn đầu tư mô đá	-	8.400.000.000
Phải trả cổ tức	1.010.172.802	827.620.002
Lãi vay phải trả	1.432.540.263	-
Bảo hiểm bắt buộc	1.388.204.767	-
Phải trả, phải nộp khác	993.690.784	627.350.565
	<u>4.824.608.616</u>	<u>9.854.970.567</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.267.154.857	4.127.154.857
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	7.789.950.587	5.759.435.699
	<u>10.057.105.444</u>	<u>9.886.590.556</u>
<i>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)</i>	3.311.635.000	3.860.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.745.470.444</u>	<u>6.026.590.556</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

- Ngày 31 tháng 5 năm 2005 và ngày 3 tháng 6 năm 2009, Công ty đã các ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với số tiền vay lần lượt là 7.500.000.000 đồng và 3.900.000.000 đồng. Các khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích đầu tư mua mới văn phòng làm việc, giao dịch, cho thuê và đầu tư xe máy, thiết bị phát triển năng lực sản xuất của Công ty. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này. Các khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của các khoản vay này là 2.267.154.857 đồng.
- Ngày 5 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49.10.072.737066.TD.DN với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với số tiền vay tối đa 10.000.000.000 đồng. Khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích tài trợ đầu tư thiết bị thực hiện dự án đầu tư dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/h nhằm nâng cao năng lực sản xuất đá tại Mỏ đá Gò Chóí, xã Đông Xuân, Tiên Xuân, huyện Quốc Oai, Hà Nội, khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản vay này là 7.789.950.587 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.311.635.000	3.860.000.000
Trong năm thứ hai	2.662.154.857	3.800.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.083.315.587	2.226.590.556
Sau năm năm	-	-
	<u>10.057.105.444</u>	<u>9.886.590.556</u>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</i> <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	<i>3.311.635.000</i>	<i>3.860.000.000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.745.470.444</u>	<u>6.026.590.556</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	20.000.000.000	1.405.920.000	1.616.236.639	451.826.474	3.112.860.620	26.586.843.733
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.389.440.898	3.389.440.898
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	556.430.310	55.643.031	(612.073.341)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(500.787.279)	(500.787.279)
Số dư tại ngày 01/01/2011	40.000.000.000	1.405.920.000	2.172.666.949	507.469.505	3.389.440.898	47.475.497.352
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(36.337.386.290)	(36.337.386.290)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	94.720.449	9.472.045	(104.192.494)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(85.248.404)	(85.248.404)
Số dư tại ngày 31/12/2011	40.000.000.000	1.405.920.000	2.267.387.398	516.941.550	(36.337.386.290)	7.852.862.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0101073692 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Chia cổ tức và trích quỹ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia nhưng chưa chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 06 tháng 05 năm 2011, cụ thể như sau:

- Chia cổ tức với số tiền 3.200.000.000 đồng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 94.720.449 đồng;
- Trích Quỹ dự phòng tài chính là 9.472.045 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 85.248.404 đồng;

Trong năm, Công ty đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết nêu trên.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Doanh thu – Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	102.402.412.923	137.046.814.537
Doanh thu dịch vụ	425.887.228	758.202.619
Doanh thu bán vật liệu	5.092.662.436	12.347.197.760
Khác	1.749.912.387	3.204.545.454
	<u>109.670.874.974</u>	<u>153.356.760.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	113.439.595.402	136.431.257.475
Giá vốn dịch vụ	416.936.365	758.202.619
Giá vốn bán vật liệu	5.839.107.129	11.747.772.025
Khác	2.075.559.749	2.773.422.000
	121.771.198.645	151.710.654.119

Dưới đây là phân tích doanh thu hoạt động xây lắp (hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu) của Công ty theo các công trình và khu vực địa lý:

Công trình	Khu vực địa lý	Năm 2011 VND
Quốc lộ 21-1	Nam Định	22.948.458.180
Cầu Giẽ - Ninh Bình	Hà Nội- Ninh Bình	29.152.317.299
Đường Hà Nội - Lào Cai	Hà Nội- Lào Cai	12.002.169.758
Cái Giá- Cát Bà	Hải Phòng	6.636.686.461
Đường Láng	Hà Nội	6.252.851.924
Nhà máy Bê tông Đà Nẵng	Đà Nẵng	7.688.585.454
Quốc lộ 38B	Hung Yên	4.225.368.238
Hạ tầng An Khánh giai đoạn 2	Hà Nội	2.879.806.760
Doanh thu thi công Khu CNC Hòa Lạc	Hà Nội	1.080.230.786
Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	Thái Nguyên	7.126.529.804
Khác	Khác	2.409.408.259
		102.402.412.923

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.016.268.772	88.942.822.058
Chi phí nhân công	16.779.493.156	20.262.663.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.455.460.751	3.198.422.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.925.688.501	27.482.647.856
Chi phí khác	6.128.412.616	8.371.040.542
	150.305.323.796	148.257.596.682

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	105.631.713	453.203.845
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	288.500.000
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	-	10.125.000.000
	105.631.713	10.866.703.845

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.764.385.627	5.581.741.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	354.178.746	795.186.060
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.327.805.693	132.435.042
Chi phí hoạt động tài chính khác	37.882.541	136.069.491
	16.484.252.607	6.645.432.345

21. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011	2010
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(VND)	(36.337.386.290)	3.389.440.898
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	4.000.000	3.106.729
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(9.084)	1.091

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.972.676.817	4.817.115.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.652.752.239	47.399.399.826
Đầu tư dài hạn khác	148.222.000	401.500.000
Tổng cộng	29.773.651.056	52.618.015.702
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	62.525.123.386	79.179.787.635
Chi phí phải trả	14.977.824.728	10.439.824.765
Các khoản vay	71.322.323.708	76.442.144.647
Tổng cộng	148.825.271.822	166.061.757.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tuy nhiên, để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, Công ty đã có kế hoạch thanh lý các khoản đầu tư này, theo đó, Công ty nhập nhận rủi ro phát sinh khi thanh lý các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu quá hạn thanh toán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu quá hạn thanh toán như trình bày dưới đây:

Tên đối tượng	Số tiền
	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Vinaconex-Alphanam	217.152.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	29.804.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	75.347.000
Công ty Kinh doanh nhà Đồng Đa	15.534.417
Công ty Xây dựng công trình 56 Bộ Quốc Phòng	34.917.481
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.333.289.387
	2.436.001.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	62.525.123.386	-	62.525.123.386
Chi phí phải trả	14.977.824.728	-	14.977.824.728
Các khoản vay	64.576.853.264	6.745.470.444	71.322.323.708
31/12/2010			
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	79.179.787.635	-	79.179.787.635
Chi phí phải trả	10.439.824.765	-	10.439.824.765
Các khoản vay	70.415.554.091	6.026.590.556	76.442.144.647

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	1.972.676.817	-	1.972.676.817
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.652.752.239	-	27.652.752.239
Đầu tư dài hạn khác	-	148.222.000	148.222.000
31/12/2010			
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	4.817.115.876	-	4.817.115.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.399.399.826	-	47.399.399.826
Đầu tư dài hạn khác	-	401.500.000	401.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	68.096.455.884	63.687.265.857
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	2.318.110.570	248.413.965
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	6.252.851.924	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	1.080.230.786	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	101.447.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	6.636.686.461	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	7.688.585.454	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.170.205.882	92.017.454
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	771.210.854	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.481.241.082	-
Khoản vay đã nhận		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Cổ tức đã chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.584.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc như sau:		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng thu nhập	1.251.292.454	1.254.309.990

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.784.362.398	15.369.775.823
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	2.270.115.832	18.697.455.426
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	-	248.413.965
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	4.855.202.602	6.571.387.602
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	1.199.812.100	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	3.565.712.794	2.377.458.929
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	174.453.733
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam	217.152.000	217.152.000
Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	881.532.789	881.532.789
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	191.848.494	29.804.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	92.017.454
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	11.554.050
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.205.378.032	1.111.765.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giao thông Vinaconex 39	806.158.679	1.242.452.707
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình	-	6.985.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	55.331.052
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	22.161.420.079	7.362.164.218
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	223.958.765	223.958.765
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	37.496.737.931	36.281.785.792
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.138.057.070	12.755.036.500
Công ty Cổ phần VIMECO	1.844.354.331	1.005.916.935
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	-	2.195.815.000
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.021.058.203	12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu của của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể:

Đơn vị: VND

Khoản mục	Mã số	Số liệu năm 2010 trước trình bày lại	Số liệu năm 2010 trình bày lại	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn				
Vay và nợ ngắn hạn (i)	311	66.555.554.091	70.415.554.091	(3.860.000.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	323	697.395.350	751.314.555	(53.919.205)
Nợ dài hạn				
Vay và nợ dài hạn (i)	334	9.886.590.556	6.026.590.556	3.860.000.000
Vốn chủ sở hữu				
Vốn khác của chủ sở hữu (ii)	413	53.919.205	-	53.919.205

- (i) Trình bày lại số dư khoản mục “Vay và nợ ngắn hạn” và “Vay và nợ dài hạn” do thực hiện phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm 31/12/2010.
- (ii) Trình bày lại số dư khoản mục “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” đối với Quỹ thưởng Ban điều hành theo đổi trên số dư khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán của doanh nghiệp.



Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán